

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trương Quốc Dũng	Chủ tịch
Bà Tô Linh Hương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26/7/2012)
Ông Lê Minh Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Phan Đình Phong	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Long	Ủy viên
Ông Bùi Anh Ninh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Đình Phong	Tổng Giám đốc
Ông Phí Mạnh Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02/7/2012)
Ông Võ Trí Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Anh Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/10/2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ báo cáo. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, đòi hỏi Ban Giám đốc của Công ty phải:

- Lựa chọn chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013



Số: 60/2013/AP - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC (gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 20/03/2013 từ trang số 04 đến trang số 24 kèm theo.

Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến kiểm toán dạng chấp nhận toàn phần.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và những ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thương

Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

Ngô Việt Thanh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1687/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, Ngày 20 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.037.557.784.435	1.029.942.805.838
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.439.583.925	23.715.343.861
1. Tiền	111		5.439.583.925	15.343.343.861
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.372.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	26.764.092.480	95.804.894.600
1. Đầu tư ngắn hạn	121		27.345.838.480	96.664.894.600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(581.746.000)	(860.000.000)
III. Các khoản phải thu	130		421.103.845.941	471.906.227.381
1. Phải thu của khách hàng	131		205.328.330.028	259.110.413.595
2. Trả trước cho người bán	132		147.933.665.965	187.930.663.688
3. Các khoản phải thu khác	135		68.681.633.978	25.382.902.889
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(839.784.030)	(517.752.791)
IV. Hàng tồn kho	140	6	522.513.731.340	402.054.411.986
1. Hàng tồn kho	141		522.563.573.246	402.104.253.892
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(49.841.906)	(49.841.906)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.736.530.749	36.461.928.010
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.156.697.754	2.974.562.464
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.655.766.963	15.380.370.143
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	43.924.066.032	18.106.995.403
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		401.716.389.025	363.538.778.565
I. Tài sản cố định	220		88.104.230.265	86.686.428.727
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	71.232.418.115	83.482.730.598
- Nguyên giá	222		111.711.224.779	114.196.973.663
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.478.806.664)	(30.714.243.065)
2. Tài sản cố định vô hình	227		22.429.114	37.110.495
- Nguyên giá	228		118.000.000	105.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.570.886)	(68.489.505)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	16.849.383.036	3.166.587.634
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		209.186.089.102	161.186.089.102
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.100.000.000	2.100.000.000
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	10	207.086.089.102	159.086.089.102
III. Tài sản dài hạn khác	260		104.426.069.658	115.666.260.736
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	103.212.472.965	113.953.902.058
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.213.596.693	1.506.667.988
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	205.690.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.439.274.173.460	1.393.481.584.403

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÀU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.127.275.663.504	1.033.123.121.160
I. Nợ ngắn hạn	310		939.777.161.621	831.047.054.512
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	347.798.366.681	345.350.801.060
2. Phải trả cho người bán	312		248.632.425.701	262.586.629.209
3. Người mua trả tiền trước	313		214.608.796.748	167.166.036.856
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	25.404.149.383	18.564.234.016
5. Phải trả người lao động	315		12.694.712.147	7.759.518.813
6. Chi phí phải trả	316		18.030.756.060	3.699.510.290
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	71.643.570.821	24.964.077.776
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		84.186.031	84.186.031
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		880.198.049	872.060.461
II. Nợ dài hạn	330		187.498.501.883	202.076.066.648
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	14.956.805.829	24.616.953.606
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		118.676.081	128.676.081
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	17	92.423.019.973	97.330.436.961
B. NGUỒN VỐN	400		279.788.714.078	325.008.441.232
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	279.788.714.078	325.008.441.232
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.069.800.000	15.069.800.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.983.348.054	2.840.688.215
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		219.501.631	93.621.640
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.304.890.508	1.123.204.630
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(40.788.826.115)	5.881.126.747
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIÊU SỞ	439		32.209.795.878	35.350.022.011
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.439.274.173.460	1.393.481.584.403



Vũ Thị Xuân
Người lập



Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởng



Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

MÀU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	379.239.537.883	710.061.530.885
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		379.239.537.883	710.061.530.885
4. Giá vốn hàng bán	11		344.010.944.405	617.222.294.062
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		35.228.593.478	92.839.236.823
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	10.342.469.500	19.767.910.180
7. Chi phí tài chính	22	22	53.431.107.472	60.686.800.529
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.058.108.503	56.975.881.416
8. Chi phí bán hàng	24		2.509.649.242	1.584.597.315
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	40.265.161.821	44.733.832.128
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(50.634.855.557)	5.601.917.031
11. Thu nhập khác	31		5.395.678.589	4.964.572.425
12. Chi phí khác	32		3.421.278.425	5.456.188.252
13. Lợi nhuận khác	40		1.974.400.164	(491.615.827)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(48.660.455.393)	5.110.301.204
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		348.609.544	3.577.903.461
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(595.868.283)	(1.506.667.988)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		(48.413.196.654)	3.039.065.731
Trong đó: Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		(447.343.079)	2.418.559.794
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	62		(47.965.853.575)	620.505.937
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.599)	22

Vũ Thị Xuân
Người lập

Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởng



Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

MÀU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(48.660.455.393)	5.110.301.204
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	11.762.611.999	13.060.785.941
- Các khoản dự phòng	03	43.777.239	1.007.123.749
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.586.398.902)	(29.577.088.355)
- Chi phí lãi vay	06	53.058.108.503	56.975.881.416
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	9.617.643.446	46.577.003.955
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	30.082.411.216	(3.672.522.218)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(120.459.319.360)	(207.906.187.922)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không gồm lãi vay, thuế TNDN)	11	48.803.085.757	(46.590.979.289)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12.559.293.803	(42.707.611.374)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(23.764.988.980)	(46.035.584.381)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(329.300.589)	(2.630.648.550)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	980.046.373	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(671.400.000)	(351.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(43.182.528.334)	(303.318.129.779)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(19.882.704.042)	(41.056.764.676)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	3.597.472.876	3.368.326.951
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.717.451.880)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.330.000.000)	(109.277.341.588)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	123.366.508.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.495.450.052	10.599.429.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.529.275.006	(136.366.349.927)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	265.069.800.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	312.091.132.538	641.738.007.596
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(295.713.639.146)	(509.875.878.920)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16.377.493.392	393.931.928.676
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(18.275.759.936)	(45.752.551.030)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	5.439.583.925	69.467.894.891
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	5.439.583.925	23.715.343.861

Vũ Thị Xuân
Người lập

Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởng



Phan Đình Phong
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC ("Công ty") là công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103015409 ngày 15/1/2007. Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất ngày 27/7/2011. Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 300 tỷ đồng.

Công ty có các Công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Vật liệu PVV;
- Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng công nghiệp PVV;
- Công ty Cổ phần Kiến trúc Vina - Petro;
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành;
- Công ty Cổ phần khai thác đá Thừa Thiên Huế.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC đặt tại Tầng 12 - tòa nhà Vinaconex 9 - Lô HH2 - khu đô thị Mễ Trì Hạ - xã Mễ Trì - huyện Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2012 là 866 người (tại ngày 31/12/2011 là 1.212 người).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình điện đến 35KV, trang trí nội thất, ngoại thất các công trình;
- San lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán ô tô và máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán dụng cụ, công cụ, thiết bị hỗ trợ, cứu nạn;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô, cho thuê xe;
- Trồng và bán cây xanh;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, vật tư vật liệu ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh nhà hàng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

